TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2017/QĐST–HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 20 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B – sinh năm 1986. Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh Dương Văn T – sinh năm 1976. Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hoàng Thị B và anh Dương Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Dương Văn T thuận tình

ly hôn.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị B và anh Dương Văn T có 01 người con chung tên là Dương Thùy D sinh ngày 18/02/2006. Khi ly hôn chị B và anh T tự nguyện thỏa thuận thống nhất giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của con chung và chị B sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 600.000^{đ}/tháng (Sáu trăm nghìn đồng) vào ngày 25 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Chị B có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh T đối với các khoản tiền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thi hành án xong. Hàng tháng, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng chị B còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu 75.000^{đ} án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000^{đ}(Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con; Anh Dương Văn T phải chịu 75.000^{đ} án phí hôn nhân sơ thẩm. Ghi nhận việc chị Hoàng Thị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí vụ án ly hôn với số tiền là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chị Bảy phải nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Bảy đã nộp theo biên lai số 05883 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Hoàng Thị B đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh + BBGN 1;
- VKSND huyện Chợ Đồn 1;
- THADS H. Chợ Đồn 1;
- UBND xã Đ
(Nơi đăng ký kết hôn) 1 ;
- Các đương sự 2;
- Lưu HS, VT 2.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thế Hùng